

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1317/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2022

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương.

- Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Huê;

2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Q Trinh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 698/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc: “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 389/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Q, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Bà Dương Bích T, sinh năm 1995 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 6, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Thị H, sinh năm 1965 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 6, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 3/31/7, đường 86, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí

Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn xin ly hôn ngày 14 tháng 6 năm 2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Q trình bày sự việc như sau:

Ông (Trần Q) và bà Dương Bích T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2018, Giấy chứng nhận kết hôn số 187 ngày 08/11/2018 do Ủy ban nhân dân xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi cấp. Thời gian đầu hôn nhân, cuộc sống vợ chồng tương đối hạnh phúc nhưng càng về sau thì giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Tháng 3/2019, vợ ông đưa con trai ông về nhà mẹ ruột của vợ sinh sống. Đến đầu năm 2021 thì vợ ông bị bắt giam vì phạm tội mua bán trái phép chất ma túy cho đến nay, từ đó ông không còn liên lạc với vợ ông. Ông chỉ biết vợ ông bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xử phạt và đang đi chấp hành án tại Trại tạm giam Bó Lá. Vì vợ chồng không thể gần gũi, quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng cũng không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà T.

Về con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung, tên là Trần Quang Đ, sinh ngày 14/7/2018, hiện đang sống cùng với bà ngoại tại xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vợ ông đang đi chấp hành án nên ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Ông xác định không có.

Về nợ chung: Ông xác định không có.

- Tại đơn xin vắng mặt ngày 10/01/2022 của bà Dương Bích T (có xác nhận của Trại tạm giam Bó Lá – Công an Thành phố Hồ Chí Minh), bà Dương Bích T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Tại bản tự khai ngày 20/7/2022, bà Đặng Thị H trình bày:

Giữa Q và T có 01 con chung là Trần Quang Đ, sinh ngày 14/7/2018, hiện cháu ngoại đang sống cùng với bà. Ông Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ, bà không đồng ý vì cháu ở với bà từ hồi mới sinh ra, khi nào T chấp hành án xong thì bà sẽ giao cho T.

- Đại diện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Ngoài việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử thì từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ kiện: “Tranh chấp về ly hôn” được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn trong vụ kiện bà Dương Bích T có nơi cư trú tại huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Dương Bích T có đơn xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án vì bà T đang phải chấp hành án phạt tù theo Bản án số 181 ngày 11/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

Bà Đặng Thị H có đơn xin giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt bà nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Q về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Dương Bích T, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trần Q và bà Dương Bích T kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận kết hôn số 187 ngày 08/11/2018 do Ủy ban nhân dân xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi cấp, nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Theo lời ông Q trình bày thì thời gian đầu hôn nhân, cuộc sống vợ chồng tương đối hạnh phúc nhưng càng về sau thì giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Tháng 3/2019, bà T dẫn con về nhà mẹ vợ sinh sống. Đến đầu năm 2021 thì bà T bị bắt giam vì phạm tội mua bán trái phép chất ma túy cho đến nay, từ đó ông không còn liên lạc với vợ ông. Ông chỉ biết vợ ông bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xử phạt và đang đi chấp hành án tại Trại tạm giam Bó Lá. Vì vợ chồng không thể gần gũi, quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng cũng không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà T.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, tạo dựng hạnh phúc gia đình, nhưng cuộc sống vợ chồng giữa ông Q và bà T có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không thể gần gũi, quan tâm, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Ngoài ra, bà T còn đang phải chấp hành hình phạt 08 năm tù giam theo Bản án số 181 ngày 11/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Từ đó có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa ông Q và bà T không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ông Quag là có cơ sở.

- Về con chung:

Ông Q và bà T có 01 con chung tên là Trần Quang Đ, sinh ngày 14/7/2018, hiện đang sống cùng với bà ngoại là bà Đặng Thị H. Ông Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, mặc dù trẻ Đ đang sống cùng với bà ngoại là bà H nhưng theo quy định của pháp luật thì sau khi ly hôn, cha hoặc mẹ mới là người có quyền trực tiếp

nuôi dưỡng, chăm sóc con nên Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Đ cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Do ông Q không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông Q.

Cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T được quyền thăm con, không ai được cản trở.

- *Tài sản chung:*

Ông Q khai ông và bà T không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

- *Về nghĩa vụ dân sự chung:*

Ông Q khai ông và bà T không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Từ sự phân tích trên, thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí:

Ông Q phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Khoản 2 Điều 81, Khoản 3 Điều 81, Khoản 1 Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 104 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Q.

- Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trần Q được quyền ly hôn với bà Dương Bích T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 187 ngày 08/11/2018 do Ủy ban nhân dân xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi cấp cho ông Q và bà T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung:

Ông Q và bà T có 01 con chung tên là Trần Quang Đ, sinh ngày 14/7/2018.

Buộc bà H giao trẻ Trần Quang Đ, sinh ngày 14/7/2018 cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc ông Q không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T được quyền thăm con, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung:

Ông Q khai ông Q và bà T không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nghĩa vụ dân sự chung:

Ông Q khai ông Q và bà T không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc ông Q phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0043311 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, ông Q đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa (bà Dương Bích T, bà Đặng Thị H) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hương